

7.1 Luật hình sự

7.1.2 Khái niệm luật hình sự

7.1.2.1 Khái niệm

Luật hình sự là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, xác định những hành vi nào nguy hiểm cho xã hội là tội phạm, đồng thời quy định hình phạt đối với những tội phạm ấy.

Các quy phạm pháp luật hình sự được chia thành 2 loại

- Loại quy phạm quy định những nguyên tắc, nhiệm vụ của luật hình sự, những vấn đề chung về tội phạm và hình phạt... Những quy phạm này tạo thành phần chung của luật hình sự
- Loại quy phạm quy định các tội phạm cụ thể, loại và mức hình phạt với các loại tội phạm. Những quy phạm này tạo thành phần các tội phạm của luật hình sự.

7.1.2.2 Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh của luật hình sự là những quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước với người phạm tội khi người này thực hiện một hành vi mà nhà nước quy định là tội phạm.

7.1.2.3 Phương pháp điều chỉnh

Fương pháp điều chỉnh của luật hình sự là phương pháp quyền uy. Đó là phương pháp sử dụng quyền lực nhà nước trong việc điều chỉnh các quan hệ pháp luật hình sự giữa nhà nước và người phạm tội. Nhà nước có quyền tối cao trong việc định đoạt số phận của người phạm tội, buộc họ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà họ gây ra.

7.1.2 Một số chế định cơ bản của Luật hình sự

7.1.2.1 Tội phạm

a. Khái niệm tội phạm

Quy định tại Khoản 1 Điều 8 Bộ luật hình sự 2015 như sau: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật này, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách có ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội; quyền, lợi ích hợp pháp*

của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”.

b. *Những dấu hiệu cơ bản của tội phạm*

Theo luật hình sự Việt Nam, hành vi được coi là tội phạm được phân biệt với những hành vi khác không phải là tội phạm qua bốn dấu hiệu sau

+ Tính nguy hiểm cho xã hội.

Đây là dấu hiệu cơ bản, quan trọng nhất quyết định những dấu hiệu khác của tội phạm. Một hành vi được quy định trong luật hình sự, và phải chịu hình phạt bởi vì nó có tính nguy hiểm cho xã hội. Tính nguy hiểm cho xã hội là thuộc tính khách quan, là dấu hiệu vật chất của tội phạm. Hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm phải là hành vi gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ.

+ Tính có lỗi của tội phạm.

Lỗi là thái độ tâm lý của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra.

Trong Bộ luật hình sự nước ta, tính có lỗi được nêu trong định nghĩa về tội phạm là một dấu hiệu độc lập với tính nguy hiểm cho xã hội, để nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên tắc lỗi. Luật hình sự Việt Nam không chấp nhận sự buộc tội khách quan, tức là buộc tội một người không căn cứ vào lỗi của họ mà chỉ căn cứ vào hành vi khách quan họ đã thực hiện.

+ Tính trái pháp luật hình sự.

Hành vi nguy hiểm cho xã hội chỉ được coi là tội phạm nếu nó được quy định trong luật hình sự. Quy định của luật hình sự là cơ sở và đảm bảo quyền tự do dân chủ của công dân, thúc đẩy cơ quan lập pháp kịp thời sửa đổi, bổ sung luật phù hợp với sự thay đổi tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội.

+ Tính phải chịu hình phạt.

Tính phải chịu hình phạt có nghĩa là bất cứ một hành vi phạm tội nào cũng đều bị đe doạ phải chịu một hình phạt. Chỉ có hành vi phạm tội mới phải chịu hình phạt, tội càng nghiêm trọng thì hình phạt áp dụng càng nghiêm khắc.

Bốn dấu hiệu của tội phạm nêu trên quan hệ chặt chẽ với nhau. Tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi là những dấu hiệu biểu hiện mặt nội dung, còn tính

trái pháp luật hình sự, tính phải chịu hình phạt là những dấu hiệu biểu hiện mặt hình thức của tội phạm.

c. Phân loại tội phạm

Tội phạm tuy có chung các dấu hiệu nhưng những hành vi phạm tội cụ thể có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất khác nhau.

Luật hình sự đã phân tội phạm thành 4 loại sau đây

- *Tội phạm ít nghiêm trọng*: Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức phạt cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

- *Tội phạm nghiêm trọng*: Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm đến 07 năm tù.

- *Tội phạm rất nghiêm trọng*: Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức phạt cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm đến 15 năm tù.

- *Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*: Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn cho xã hội mà mức phạt cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

d. Cấu thành tội phạm

Cấu thành tội phạm là tổng thể những dấu hiệu chung có tính đặc trưng cho một loại tội phạm cụ thể được quy định trong luật hình sự. Cấu thành tội phạm là khái niệm pháp lý của một loại tội, là sự mô tả khái quát một loại tội phạm trong luật hình sự.

Cấu thành tội phạm là cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự và là căn cứ pháp lý để định tội danh.

+ Các yếu tố cấu thành tội phạm

Mỗi một trường hợp phạm tội cụ thể của một loại tội đều có những nội dung biểu hiện riêng biệt ở bốn yếu tố là: khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan.

- *Khách thể của tội phạm* là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại ở mức độ đáng kể. Không có sự xâm hại đến quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ thì không có tội phạm

- *Mặt khách quan của tội phạm* là những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan

Những biểu hiện (dấu hiệu) thuộc về khách quan của tội phạm gồm có: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Thuộc về mặt khách quan của tội phạm còn có các dấu hiệu như: phương tiện, công cụ phạm tội, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm

Trong các dấu hiệu nêu trên thì hành vi (khách quan) của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc, không thể thiếu được của mọi loại tội phạm. Còn các dấu hiệu khác là những dấu hiệu bắt buộc nếu điều luật về tội phạm cụ thể có quy định

- *Chủ thể của tội phạm*

Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- *Mặt chủ quan của tội phạm* là những diễn biến tâm lý bên trong của tội phạm, bao gồm: lỗi, mục đích và động cơ phạm tội. Bất cứ tội phạm cụ thể nào cũng phải là hành vi được thực hiện một cách có lỗi (lỗi cố ý hoặc vô ý).

Một người sẽ bị coi là có lỗi khi thực hiện một hành vi gây thiệt hại cho xã hội nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn và quyết định trong khi người ấy hoàn toàn có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn 1 cách xử sự khác phù hợp với xã hội.

Động cơ và mục đích phạm tội là nội dung thuộc mặt chủ quan của một số loại tội nhất định. Tóm lại, theo luật hình sự Việt Nam bất cứ một hành vi phạm tội nào cũng đều là thể thống nhất giữa mặt khách quan và mặt chủ quan, đều là hoạt động của con người cụ thể xâm hại hoặc đe doạ xâm hại những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Sự thống nhất của bốn yếu tố này là hình thức cấu trúc, thể hiện đầy đủ nội dung chính trị - xã hội của tội phạm.

7.1.2.2 Trách nhiệm hình sự

a. Khái niệm

Trách nhiệm hình sự là sự phản ứng của nhà nước đối với người thực hiện tội phạm, thể hiện tập trung ở sự áp dụng hình phạt với chủ thể đó. Người phạm tội phải gánh chịu những hậu quả bất lợi nhất định.

Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự : Là thời hạn do Bộ luật hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cụ thể:

- + 5 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng
- + 10 năm đối với tội phạm nghiêm trọng
- +15 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng
- +20 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Nếu trong thời hạn nói trên người phạm tội cố tình trốn tránh và có lệnh truy nã thì thời gian trốn tránh không được tính .

b. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự

Luật hình sự Việt Nam chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người đã thực hiện những hành vi nguy hiểm cho xã hội và bị coi là tội phạm.

Trên thực tế, có nhiều trường hợp hành vi của một người về hình thức có đầy đủ những dấu hiệu của một tội phạm, nhưng vì trong hành vi có một số tình tiết nhất định, làm mất tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nên hành vi ấy không bị coi là tội phạm. Những tình tiết ấy được gọi là những trường hợp loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

“Điều 20: Sự kiện bất ngờ”

Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội do sự kiện bất ngờ, tức là trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 21: Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự

1. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự; đối với người này, phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo quy định của luật.

2. Đối với người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng đã lâm vào tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này trước khi bị kết án

thì cũng áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 22. Phòng vệ chính đáng

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác, hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Dương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng trong những trường hợp sau : a) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác; b) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ; c) Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người.

3. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.

Điều 23: Tình thế cấp thiết

1. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác, lợi ích của Nhà nước hoặc của tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.

2. Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 24. Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm pháp

1. Hành vi của người để bắt, giữ người phạm pháp mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực gây thiệt hại cho người bị bắt, giữ thì không phải là tội phạm.

2. Trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 25. Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ

1. Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng các quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm.

2. Trường hợp gây thiệt hại do cẩu thả hoặc do quá tin thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 26. Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên

Hành vi gây thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên trong lực lượng vũ trang nhân dân liên quan đến vấn đề quốc phòng, an ninh và người thi hành mệnh lệnh đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh, cấp trên nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó thì không phải là tội phạm."

7.1.2.3 Hình phạt

a. Khái niệm, đặc điểm hình phạt

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước được quy định trong Bộ luật hình sự, do Toà án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.

Hình phạt là một trong những chế định quan trọng nhất của luật hình sự là công cụ thực hiện trách nhiệm hình sự. Hình phạt có những đặc điểm cơ bản sau

+ Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất, nó có thể tước bỏ những quyền và lợi ích thiết thân của người bị kết án như: Quyền tự do, quyền về tài sản, quyền về chính trị, thậm chí cả quyền sống;

+ Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước được quy định trong luật hình sự và chỉ được áp dụng cho chính cá nhân, pháp nhân thương mại đã thực hiện tội phạm;

+ Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước do toà án nhân dân nhà nước áp dụng đối với người phạm tội. Hình phạt do toà án quyết định phải được tuyên bố công khai bằng một bản án và là kết quả của phiên toà hình sự với các thủ tục được quy định trong luật tố tụng hình sự;

+ Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước đặc biệt đảm bảo cho luật hình sự có thể thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ, giáo dục, được quy định tại điều 1 Bộ luật hình sự

b.Mục đích của hình phạt

Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

c. Hệ thống hình phạt

Hệ thống hình phạt là tổng thể các hình phạt do nhà nước quy định trong luật hình sự và được xếp xép theo một trình tự nhất định tùy thuộc vào mức độ nghiêm khắc của mỗi hình phạt. Hệ thống hình phạt trong luật hình sự nước ta được xếp xép theo thứ tự từ nhẹ đến nặng và có tính đa dạng, cho phép trong mọi trường hợp thực hiện được nguyên tắc công bằng, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt. Hệ thống hình phạt trong luật hình sự nước ta có nội dung rất rõ ràng, kết hợp hài hòa các yếu tố cưỡng chế và thuyết phục và cũng thể hiện rõ tính nhân đạo sâu sắc.

Căn cứ vào đối tượng áp dụng hình phạt, Điều 32 Bộ luật hình sự chia thành 2 loại

- + Hình phạt đối với cá nhân phạm tội;
- + Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội.

Bộ luật hình sự phân chia hệ thống hình phạt thành hai nhóm: hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Hình phạt chính là hình phạt cơ bản được áp dụng cho một tội phạm và được tuyên độc lập, với mỗi tội phạm tòa án chỉ có thể áp dụng một hình phạt chính.

Các hình phạt chính đối với cá nhân phạm tội bao gồm: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trực xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

Hình phạt chính đối với pháp nhân phạm tội bao gồm: a) Phạt tiền;b) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Tước quyền sử dụng giấy phép vĩnh viễn hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Hình phạt bổ sung là hình phạt không được tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm theo hình phạt chính. Đối với mỗi tội phạm tòa án có thể tuyên một hoặc nhiều hình phạt bổ sung nếu điều luật về tội phạm có quy định các hình phạt này.

Các hình phạt bổ sung đối với cá nhân phạm tội gồm có: cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền và trục xuất (khi không áp dụng hình phạt chính).

Hình phạt bổ sung đối với pháp nhân phạm tội bao gồm: a) Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; b) Cấm huy động vốn;c) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội hoặc pháp nhân phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

d. Các biện pháp tư pháp

- Các biện pháp tư pháp, xét về bản chất pháp lý, không phải là hình phạt, nhưng là những biện pháp tư pháp hình sự được Bộ luật hình sự qui định để có thể áp dụng đối với người có hành vi phạm tội.

- Sự cần thiết của các biện pháp tư pháp hình sự thể hiện ở chỗ khi được áp dụng, chúng có khả năng tác động hỗ trợ hình phạt đối với người phạm tội, hoặc trong nhiều trường hợp chúng có thể thay thế hình phạt, giúp cho không để sót việc xử lý người phạm tội.

- Qui định và áp dụng các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam chính là để nhằm mục đích xử công minh mọi hành vi phạm tội, để giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa tội phạm.

+ Biện pháp tư pháp đối với cá nhân phạm tội bao gồm : a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; c) Bắt buộc chữa bệnh.

+ Biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm: a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; c) Khôi phục lại tình trạng ban đầu; d) Thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.

7.2 Luật tố tụng hình sự

7.2.1. Khái niệm

Luật tố tụng hình sự là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra, xét xử và thi hành án hình sự.

7.2.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

7.2.2.1. Khởi tố vụ án hình sự

Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu của tố tụng hình sự, trong đó các cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Giai đoạn này được bắt đầu từ khi các cơ quan có thẩm quyền nhận được tin báo hoặc tố giác về tội phạm và kết thúc khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

7.2.2.2. Điều tra vụ án hình sự

Trong giai đoạn này các cơ quan điều tra áp dụng mọi biện pháp do luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án. Nhiệm vụ của giai đoạn điều tra là : xác định tội phạm và người thực hiện tội phạm ; xác định thiệt hại do tội phạm gây ra ; xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục và ngăn ngừa. Thẩm quyền điều tra vụ án hình sự thuộc các cơ quan điều tra. Các cơ quan hải quan, kiểm lâm, đơn vị bộ đội biên phòng được thực hiện một số các hoạt động điều tra.

Khi kết thúc điều tra cơ quan điều tra làm bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố nếu có đủ chứng cứ, hoặc đình chỉ điều tra nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 89 Bộ luật tố tụng hình sự hay đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can là người thực hiện tội phạm.

7.2.2.3. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Giai đoạn xét xử sơ thẩm được bắt đầu từ khi Tòa án nhận được hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển sang. Trình tự xét xử tại phiên tòa bao gồm

Khai mạc, xét hỏi, tranh luận trước tòa, nghị án và tuyên án. Quá trình xét xử được thực hiện theo nguyên tắc xét xử trực tiếp bằng lời nói và liên tục, chỉ xét xử những bị cáo, những hành vi theo tội danh mà viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã có quyết định đưa ra xét xử. Khi kết thúc hội đồng xét xử ra bản án hoặc các quyết định.

7.2.2.4. Xét xử phúc thẩm án hình sự

Phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại những bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo kháng nghị.

Quyền kháng cáo thuộc về bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ... Quyền kháng nghị thuộc về Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên của Tòa án sơ thẩm. Khi xét xử Hội đồng xét xử chỉ xử lại những phần bị kháng cáo, kháng nghị trong bản án của tòa sơ thẩm, nhưng trên cơ sở xem xét toàn bộ vụ án. Tòa phúc thẩm có thể ra một trong các quyết định sau : bác kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, sửa án sơ thẩm; hủy án sơ thẩm để điều tra hoặc xét xử lại; hủy án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

7.2.2.5. Thi hành bản án và quyết định của Tòa án

Là giai đoạn hoạt động tố tụng của các cơ quan công an, kiểm sát, tòa án, các cơ quan nhà nước khác và tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền nhằm bảo đảm cho bản án và quyết định có hiệu lực của Tòa án được thi hành một cách chính xác, kịp thời.

Chỉ có những bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mới được đưa ra thi hành, trừ trường hợp bản án tuyên một người là không phạm tội hoặc tuyên một hình phạt bằng hoặc thấp hơn thời hạn họ bị tạm giam. Việc thi hành các loại hình phạt phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình cải tạo, để động viên giáo dục người phạm tội luật tố tụng hình sự quy định việc giảm thời hạn và miễn chấp hành hình phạt đối với họ.

7.2.2.6. Xét lại các bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm

Để bảo đảm tính khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, trong trường hợp các bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện ra sai lầm về pháp luật thì được xử lại theo trình tự giám đốc thẩm, phát hiện ra các tình tiết mới làm thay đổi tính chất của vụ án thì được xét xử lại theo trình tự tái thẩm.

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 7

1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật hình sự?
2. Tội phạm là gì? Các dấu hiệu cơ bản của tội phạm?
3. Phân loại tội phạm?
4. Các yếu tố cấu thành tội phạm?
5. Trách nhiệm hình sự là gì? Đặc điểm của trách nhiệm hình sự?
6. Các trường hợp được miễn trừ trách nhiệm hình sự theo quy định?
7. Khái niệm và đặc điểm của hình phạt?
8. Hệ thống hình phạt đối với cá nhân phạm tội?
9. Hệ thống hình phạt đối với pháp nhân thương mại?
10. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự?